TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M C
TỈNH ĐIỆNBIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/3/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Khoàng Văn Hặc.
2. Ông Nguyễn Khắc Thiện.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐHPT-ST ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị V T C – Sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Bản H T A, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

Bị đơn: Anh G A P – Sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Bản H T A, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

Người phiên dịch: Anh T A C - Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Bản Huổi Toóng 2, xã Huổi Lèng, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị V T C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị V T C và anh G A P sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau thì về chung sống với nhau như vợ chồng hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 2011. Đến ngày 29/8/2016 anh chị đăng ký

kết hôn tại UBND xã H N, huyện M C. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó hai vợ chồng tách ra ở riêng phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 01 năm 2019 chị Chía đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện chị Chía không còn tình cảm với anh Phứ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Chía làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phứ.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung: cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013; cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Chía có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Chía không yêu cầu anh Phứ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến, do hoàn cảnh của chị không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 cháu được. Do đó khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013 cho anh G A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, vì cháu còn ít tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn.

Chị không yêu cầu anh Phứ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị và chị cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng anh Phứ.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh G A P vắng mặt. Tại bản tường trình và trong quá trình giải quyết anh Phứ trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống quá trình kết hôn như chị Chía trình bày là đúng anh hoàn toàn nhất trí, nhưng nay chị Chía đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không nhất trí. Vì trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không thể tránh khỏi được sự mâu thuẫn xảy ra cãi nhau, nhưng đó chỉ là cãi nhau trong việc sinh hoạt hàng ngày chưa đến mức yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với nhau. Tuy anh chị hiện sống ly thân với nhau không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ năm 2019 nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Chía, anh mong chị Chía rút đơn khởi kiện quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dậy con chung.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013; cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh không yêu cầu chị Chía cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

- Về tài sản chung: Nếu ly hôn thì anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Cháu Giàng A Toán, đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn với nhau thì cháu muốn được ở cùng bố.

* Quá trình xác minh của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện M C tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Chía và anh Phứ tại Bản H T, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên: Chị Chía và Anh Phứ về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện năm 2011 và đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã H N. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Chị Chía và anh Phứ hiện đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng chỉ đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 228/BLTTDS năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 69, 70, 71 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị V T C. Tuyên xử cho chị V T C được ly hôn với anh G A P. Giao cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013 cho anh G A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Giao cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015 cho chị V T C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Chía không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Phứ, anh Phứ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Chía. Chị Chía, anh Phứ có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho V T C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản H T A, xã H N, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Phứ đều có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh chị không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phứ, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ nhất anh Phứ vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra quyết hoãn phiên tòa. Anh G A P được triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị V T C có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phứ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân chị Chía và anh Phứ về chung sống với nhau như vợ chồng hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 2011. Đến ngày 29/8/2016 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã H N, huyện M C. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó hai vợ chồng tách ra ở riêng phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 01 năm 2019 chị Chía đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện chị Chía không còn tình cảm với anh Phứ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Chía làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phứ. Tuy nhiên anh Phứ vẫn còn tình cảm với chị Chía nên anh Phứ không muốn ly hôn.

Xét thấy chị V T C và anh G A P sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Chía đối với anh Phứ. Tuyên xử cho chị V T C được ly hôn với anh G A P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Chía anh Phứ có 02 con chung: cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013; cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015.

Xét về điều kiện nuôi con, quá trình xác minh cho thấy anh Phứ và chị Chía đều có điều kiện chăm sóc nuôi con như nhau. Trong quá trình giải quyết anh chị đều có nguyện vọng khi ly hôn muốn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét ý kiến thay đổi tại phiên tòa của chị Chía và ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Giàng A Toán. Xét trách nhiệm, hoàn cảnh thực tế, nghĩa vụ và quyền của anh chị đối với các con, quyền và nghĩa vụ của các con đối với anh chị. Việc nuôi con khi ly hôn là trách nhiệm của cả anh chị. Anh chị có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con khi ly hôn. Như vậy ý kiến của chị Chía tại phiên tòa có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Giàng Thị Dũa, đồng thời trên cơ sở trình bày nguyện vọng của cháu Toán khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với bố nên cần được chấp nhận.

Do đó áp dụng các Điều 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Cần giao cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013 cho anh G A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Giao cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015 cho chị V T C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động.

Chị Chía không yêu cầu anh Phứ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Anh Phứ không yêu chị Chía cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

[4] Về tài sản chung: Chị Chía và anh Phứ đều có ý kiến là không yêu cầu Tòa án giải quyết, sẽ tự thỏa thuận với nhau. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Chị V T C là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho V T C.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V T C. Chị V T C được ly hôn với anh G A P.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng A Toán sinh ngày 16/02/2013 cho anh G A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Giao cháu Giàng Thị Dũa sinh ngày 07/5/2015 cho chị V T C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động.

Chị V T C không yêu cầu anh G A P cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Anh G A P không yêu cầu chị V T C cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị V T C và anh G A P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị V T C.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị V T C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

ngày 24/3/2022. Anh G A P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- P.KT NV– THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát huyện M C;
- Chi cục THADS huyện M C;
- UBND xã H N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lò Văn Dinh